

15. Bồ Đề đạo tràng (菩提道場)

Cây Bồ Đề được nói trong phần này chính là cây đạo tràng nói trong nguyện bốn mươi một. Trước hết, kinh nói đến hình tướng cây to lớn trang nghiêm, rồi tường thuật cây có diệu đức khó nghĩ lường; cuối cùng là nói rõ nguyện lực của Di Đà, nêu quả để làm sáng tỏ cái nhân.

Chánh kinh:

又其道場，有菩提樹，高四百萬里，其本周圍五千由旬，枝葉四布二十萬里。一切眾寶自然合成。華果敷榮，光暉徧照。復有紅綠青白諸摩尼寶，眾寶之王，以為瓔珞。雲聚寶鑠，飾諸寶柱。金珠鈴鐸，周匝條間。珍妙寶網，羅覆其上。百千萬色，互相映飾。無量光炎，照耀無極。一切莊嚴，隨應而現。

Hữu kỳ đạo tràng, hữu Bồ Đề thụ, cao tứ bách vạn lý, kỳ bốn châu vi ngũ thiên do-tuần, chi diệp tứ bố nhị thập vạn lý. Nhất thiết chúng bảo tự nhiên hợp thành, hoa quả phu vinh, quang huy biến chiếu. Phục hữu hồng, lục, thanh, bạch, chư ma-ni bảo, chúng bảo chi vương, dĩ vi anh lạc. Vân tụ bảo tảo, sức chư bảo trụ. Kim, châu, linh, đặc, châu tấp điều gian. Trân diệu bảo võng, la phú kỳ thượng. Bách thiên vạn sắc, hỗ tương ánh sức; vô lượng quang viêm, chiếu diệu vô cực. Nhất thiết trang nghiêm, tùy ứng nhi hiện.

Nơi đạo tràng lại có cây Bồ Đề cao bốn trăm vạn dặm. Góc nó to tròn năm ngàn do-tuần, cành lá xòe ra bốn phía đến hai mươi vạn dặm, do hết thấy các thứ báu tự nhiên hợp thành. Hoa quả lồ lộ, xum xuê, ánh sáng chói rạng khắp nơi. Lại có các thứ báu Ma-ni vàng, lục, xanh dương, trắng, là vua trong các thứ báu, để dùng làm anh lạc. Khóa báu Vân Tụ trang hoàng các trụ báu. Vàng, châu, linh, đặc treo khắp trên cành. Lưới báu trân diệu giăng che bên trên. Trăm ngàn vạn sắc chói ngời lẫn nhau, vô lượng tia sáng chiếu rọi vô cực. Hết thấy trang nghiêm hiện ra một cách thích ứng.

Giải:

Chữ “đạo tràng” có đến năm nghĩa:

- Một là chỗ đức Phật Thích Ca thành đạo dưới gốc Bồ Đề ở Ấn Độ được gọi là Đạo Tràng.

- Hai là đặc đạo hành pháp như kinh Duy Ma nói: “*Trực tâm thị đạo tràng*” (Trực tâm là đạo tràng).

- Ba là chỗ thờ Phật được gọi là Đạo Tràng.

- Bốn là chỗ học đạo như bản Chú Giải Kinh Duy Ma của Ngài Tăng Triệu có câu: “*Chỗ tu đạo thanh vắng gọi là đạo tràng*”.

- Thời Tùy Dạng Đế, tự viện được gọi là Đạo Tràng. Vua xuống chiếu bắt gọi các chùa trong thiên hạ là Đạo Tràng hết.

Chữ “*đạo tràng*” trong kinh này phải được hiểu theo nghĩa thứ tư, tức là chỗ tu đạo.

Theo sách Tây Vực Ký, cây Bồ Đề chính là cây Tất Bát La (Pipala), đức Phật ngồi dưới gốc cây này thành Đẳng Chánh Giác nên cây được gọi là cây Bồ Đề, dịch nghĩa là Đạo Thọ, hoặc là Giác Thọ. Lúc Phật còn tại thế, cây cao bốn trăm thước, lâu ngày tàn rụi dần chỉ còn cao bốn, năm trượng. Đây là cây Bồ Đề trong thế giới này. Trong kinh này, cây Bồ Đề cao bốn trăm vạn dặm; nhưng như Quán Kinh nói: “*Phật thân cao lục thập vạn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần*” (Thân Phật cao sáu mươi vạn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần) thì hóa ra thân Phật cao mà cây lại thấp, chẳng tương xứng!

Thật ra điều này chẳng quan hệ gì, những số lượng kinh nói đều chỉ là thuận theo căn cơ của chúng sanh nên chúng ta chớ quá câu nệ. Hơn nữa, toàn thể kinh này là cảnh giới sự sự vô ngại chẳng thể nghĩ bàn, dầu cho chôn ấy cao thấp sai khác nhưng nếu đã thông đạt huyền môn “*quảng hiệp tự tại*” thì liền có thể chứng nhập hết thảy pháp giới vô ngại.

Từ chữ “*nhất thiết chúng bảo*” (hết thảy các báu) trở đi diễn tả sự trang nghiêm của cây Bồ Đề. Câu “*tự nhiên hợp thành*” ngụ ý: Cây do đại nguyện, đại lực của Phật Di Đà mà thành, tự nhiên như thế chẳng phải tạo tác. “*Phu*” (敷) có nghĩa là lộ ra, hiển hiện. “*Vinh*” (榮) có nghĩa là um tùm, tươi tốt. Cây Bồ Đề cũng do hết thảy các thứ báu tự nhiên hợp thành nên hoa quả xum xuê, tươi đẹp rực rỡ, tỏa sáng khắp nơi.

Từ chữ “*phục hữ*” (lại có) trở đi, kinh kể về những thứ trang nghiêm nơi cây. Bài kệ sau đây trong Vãng Sanh Luận: “*Vô lượng báu*

giăng xen, lưới mảnh rọp hư không, các thứ linh vang tiếng, phát ra tiếng pháp màu nhiệm” thật tương ứng với đoạn kinh này.

Chuỗi anh lạc, trụ báu, lưới báu được nói trong kinh nói đều là để trang nghiêm nơi không trung phía trên cây. Đầu tiên là báu Ma-ni bốn màu: Các thứ báu này có đủ hết thấy những đặc tánh tốt đẹp nhất của các báu nên là chúng là tối thượng trong các báu. Do đó, kinh bảo: *“Chúng bảo chi vương”* (Vua trong các báu). Dùng các thứ báu tối thượng như thế làm chuỗi anh lạc treo kín các cành nhánh cây để trang hoàng.

Trong câu *“Vân Tụ bảo tóa”*, chữ *“tóa”* (鑰) tức là chữ Tỏa (鎖: khóa) chỉ những chỗ kết cấu ăn khớp vào nhau trong các thứ kiến trúc nơi ấy. *“Vân Tụ”* chính là tên một thứ báu như bản Đường dịch ghi: *“Hữu Sư Tử, Vân Tụ bảo đẳng, dĩ vi kỳ tóa”* (Có các thứ báu như Sư Tử, Vân Tụ... dùng làm khóa móc). Do đó, *“Vân Tụ bảo tóa”* có nghĩa là dùng chất báu Vân Tụ để làm các thứ kết cấu dính móc vào nhau.

Bản Tống dịch nói về *“bảo trụ”* (trụ báu) như sau: *“Bỉ Phật quốc độ, hữu chủng chủng bảo trụ, giai dĩ bách thiên trân bảo nhi dụng trang nghiêm. Sở vị kim trụ, ngân trụ, lưu ly trụ, pha ly trụ, chân châu trụ, xa cừ trụ, mã não trụ”* (Cõi đức Phật ấy có các trụ báu, đều dùng trăm ngàn trân bảo để trang nghiêm, như là trụ vàng, trụ bạc, trụ lưu ly, trụ pha ly, trụ chân châu, trụ xa cừ, trụ mã não). Lại có những trụ do từ hai thứ báu cho đến bảy thứ bảy hợp thành. Các trụ báu như thế trang hoàng bằng các chuỗi anh lạc cũng như các khóa báu.

Trong nhóm chữ *“kim, châu, linh, đạc”* thì *“kim”* (金) là vàng ròng, *“châu”* (珠) là chân châu; *“linh”* (玲) là cái linh (chuông nhỏ có quả lắc) bằng kim loại, hình dáng tựa tựa như cái chuông nhưng nhỏ hơn nhiều; *“đạc”* (鐸) là loại linh có lưỡi gỗ (mộc thiết: Lưỡi ở đây chỉ cái hạt tròn nhỏ được treo trong cái đạc), khi lắc lên sẽ phát ra tiếng. Linh và đạc cùng đều bằng diệu bảo hợp thành, phát ra những âm thanh vi diệu. Bốn thứ nói trên treo đầy khắp các cành nhánh cây Bồ Đề nên kinh nói *“châu tấp điều gian”* (treo khắp trên cành).

Bản Đường dịch ghi ý *“trân diệu bảo võng”* (lưới báu quý đẹp) như sau: *“Hựu dĩ thuần kim, chân châu, tấp bảo linh đạc, dĩ vi kỳ võng”* (Lại dùng vàng ròng, chân châu, linh, đạc bằng các thứ báu kết thành lưới). Như vậy, lưới báu cũng do vàng ròng, chân châu, linh, đạc tạo thành nên bảo là *“trân diệu”*.

Khi nói về “*la phú*” thì “*la*” (羅) là căng rộng ra, “*phú*” (覆) là trùm lấp, phủ lên. Các lưới báu như thế căng ra phủ trên cây Bồ Đề nên bảo “*la phú kỳ thượng*” (giăng che bên trên). Bảo châu phóng quang “*bách thiên vạn sắc*” (trăm ngàn vạn sắc) như Quán kinh nói: “*Nhất nhất bảo châu hữu thiên quang minh, nhất nhất quang minh, bát vạn tứ thiên sắc*” (Mỗi một bảo châu có ngàn quang minh. Mỗi một quang minh có tám vạn bốn ngàn sắc). Mỗi một diệu sắc như thế phản chiếu ánh sáng của nhau càng thêm chói lọi khắp cả nên kinh bảo “*hỗ tương ánh sực*” (chói ngời lẫn nhau). “*Viêm*” (炎) nghĩa là ánh lửa tỏa rực lên nên “*quang viêm*” có nghĩa là những tia sáng tỏa ánh rực rỡ. Mỗi một viên châu tỏa ngàn quang minh; do có vô lượng bảo châu nên kinh bảo “*vô lượng quang viêm, chiếu diệu vô cực*” (tia sáng chiếu rực vô cực). “*Vô cực*” nghĩa là chẳng có hạn lượng.

Ngài Cảnh Hưng giảng câu: “*Nhất thiết trang nghiêm, tùy ứng nhi hiện*” (hết thảy trang nghiêm hiện ra một cách thích ứng) như sau: “*Do thiện báo từ bi của đức Như Lai hóa hiện nên thuận theo căn cơ của chúng sanh mà hiện ra các thứ lớn, nhỏ, dài, ngắn, từ một thứ báu, hai thứ báu cho đến các thứ báu, không thứ nào lại chẳng đẹp ý người thấy*”. Hóa hiện một cách nhiệm mầu như thế để thích ứng với khắp mọi căn cơ, biến hóa chẳng ngăn ngại. Mỗi một thứ đều mầu nhiệm viên mãn hiển bày trọn vẹn sự vô ngại.

Chánh kinh:

微風徐動，吹諸枝葉，演出無量妙法音聲。
其聲流布，徧諸佛國。清暢哀亮，微妙和雅，十方
世界音聲之中，最為第一。

Vì phong từ động, xuy chư chi diệp, diễn xuất vô lượng diệu pháp âm thanh. Kỳ thanh lưu bố, biến chư Phật quốc. Thanh swóng ai lượng, vì diệu hòa nhã, thập phương thế giới âm thanh chi trung, tối vi đệ nhất.

Gió nhẹ khẽ động thổi qua các cành, lá, diễn xuất vô lượng âm thanh diệu pháp. Những âm thanh ấy lan truyền khắp các cõi Phật: thanh tịnh, sáng khoái, bi mẫn, trong sáng, vì diệu, hòa nhã, thật là âm thanh bậc nhất trong các âm thanh trong mười phương thế giới.

Giải:

Đoạn kinh này thuật rõ cây có khả năng diễn nói diệu pháp, lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

“*Diệu pháp*” là pháp tối thắng bậc nhất chẳng thể nghĩ bàn. Bài Tựa sách Pháp Hoa Huyền Nghĩa có câu: “*Diệu là [chữ để] khen ngợi pháp tốt lành chẳng thể nghĩ bàn*”. Gió thổi lay cành, lá cây báu, phát ra âm thanh diễn nói chẳng thể tính kể nổi pháp âm vi diệu nên bảo là “*diễn xuất vô lượng diệu pháp âm thanh*” (diễn ra vô lượng âm thanh diệu pháp).

Ngài Đàm Loan bảo: “*Âm thanh ấy làm Phật sự chẳng thể nghĩ bàn*”. Chữ “*Phật sự*” chỉ sự giáo hóa của chư Phật, cũng như hết thảy việc có lợi cho Phật đạo. Thông thường những pháp hội cầu phước, cầu siêu v.v... cũng được gọi là Phật sự. Trong cõi Cực Lạc, âm thanh do cây báu phát ra cũng làm được các Phật sự nên ngài Đàm Loan mới khen ngợi là chẳng thể nghĩ bàn.

Hơn nữa, âm thanh ấy lại “*thanh, sướng, ai, lượng, vi diệu, hòa nhã*” (tạm dịch là “*thanh tịnh, sáng khoái, bi mẫn, trong trẻo, vi diệu, hòa nhã*”). Ngài Nghĩa Tịch bảo:

“*Thanh (清) là thanh tịnh, nghe được chẳng sanh tâm trước nhiệm. Dương (揚) là tuyên dương do âm thanh ấy có thể tuyên dương pháp Thật Tướng (bản ngài Nghĩa Tịch dùng để chú giải ghi là “thanh dương”, còn hội bản ghi là “thanh sướng”. “Sướng” (暢) có nghĩa là thông suốt, vui sướng, khiến cho người nghe sáng khoái. Sướng lại có nghĩa là thông hiểu, nghĩa là pháp âm ấy khiến cho người nghe thông đạt được pháp Thật Tướng). ‘Ai’ (哀) là bi ai, pháp ấy khiến người nghe sanh tâm đại bi. ‘Lượng’ (亮) là trong trẻo, vang vọng, thấu triệt, rõ ràng. Pháp âm ấy khiến cho người nghe khai phát trí huệ. ‘Vi’ (微) là tinh tế, bí mật: Pháp âm ấy tinh tế, bí mật như tiếng âm nhạc cõi Phạm thiên. ‘Diệu’ (妙) là hay đẹp tuyệt diệu. Âm thanh ấy hay tuyệt diệu như tiếng chim Loan (chim phụng hoàng mái). ‘Hòa’ (和) là điều hòa, âm vận nhịp nhàng, réo rắt. ‘Nhã’ (雅) là thanh nhã, đứng đắn; pháp âm ấy thanh nhã, đứng đắn vì thuận theo Phật pháp*”.

Những đức tánh vừa thuật của những âm thanh ấy không những chỉ đặc biệt lạ lùng nhất đối với các cõi trời mà so trong mười phương thế giới, những âm thanh ấy cũng là bậc nhất nên kinh bảo: “*Thập*

phương thế giới âm thanh chi trung, tối vi đệ nhất” (thật là bậc nhất trong các âm thanh trong mười phương thế giới).

Chánh kinh:

若有眾生，觀菩提樹、聞聲、嗅香、嘗其果味、觸其光影、念樹功德，皆得六根清徹，無諸惱患，住不退轉，至成佛道。復由見彼樹故，獲三種忍，一音響忍，二柔順忍，三者無生法忍。

Nhược hữu chúng sanh, đồ Bồ Đề thụ, văn thanh, khứu hương, thường kỳ quả vị, xúc kỳ quang ảnh, niệm thụ công đức, giai đắc lục căn thanh triệt, vô chư não hoạn, trụ Bất Thoái Chuyển, chí thành Phật đạo. Phục do kiến bỉ thụ cố, hoạch tam chủng Nhẫn, nhất Âm Hưởng Nhẫn, nhị Nhu Thuận Nhẫn, tam giả Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Nếu có chúng sanh thấy cây Bồ Đề, nghe tiếng, ngửi mùi, nếm vị trái cây, chạm phải ánh sáng, hình bóng nó, nghĩ đến công đức của cây thì đều được sáu căn thanh triệt, không có các não hoạn, trụ Bất Thoái Chuyển, cho đến thành Phật đạo. Lại do thấy cây ấy sẽ đắc ba thứ nhẫn: Một là Âm Hưởng Nhẫn, hai là Nhu Thuận Nhẫn, ba là Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Giải:

Đoạn kinh này chỉ rõ cây Bồ Đề tạo lợi ích, rộng thí cái lợi chân thật. Nếu có chúng sanh nào mắt thấy cây ấy, tai nghe tiếng từ cây phát ra, mũi ngửi được mùi hương, miệng nếm vị trái cây ấy, thân chạm phải ánh sáng, bóng cây, hoặc ý căn nghĩ nhớ đến công đức của cây thì sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, bất cứ căn nào tiếp xúc với cây ấy cũng đều khiến cho người ấy đắc Bất Thoái, đắc Nhẫn, được cái lợi ích thành Phật.

Trước hết, kinh nói: “*Giai đắc lục căn thanh triệt*” (Đều được sáu căn thanh triệt). Sách Hội Sớ giảng như sau: “*Căn tai không cấu nhiễm là Thanh, nghe tỏ tường các âm là Triệt*”. Cứ theo đó mà suy ra các căn khác: Nhẫn căn không cấu nhiễm là thanh, thấy tỏ tường các Sắc là triệt; cho đến ý căn không cấu nhiễm là thanh, hiểu tỏ tường các pháp là triệt. Sáu căn đều phát sanh thắng trí, đều được thanh triệt nên bảo là “*lục căn thanh triệt*”.

Sách Tiên Chú giảng chữ “nã” (惱) như sau: “Nã là tên gọi của một thứ Tâm Sở⁷⁵, là một trong các pháp thuộc về tiểu phiền não (Sáu pháp: vô minh, phóng dật, giải đãi (lười biếng), bất tín (chẳng tin), hôn trầm và trạo cử (lao chao) gọi là Đại Phiền Nã Pháp). Nã nghĩa là dẫu tự mình biết những điều ác do chính mình làm là ác nhưng chẳng thay đổi, cứ chấp trước đến cùng, chẳng chịu nghe người khác can gián nhưng trong lòng tự buồn bã, phiền muộn. Nã cũng là một pháp trong mười hai Tùy Phiền Nã (Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác Kiến gọi là Căn Bản Phiền Nã. Những phiền não phát sanh từ căn bản phiền não gọi là Tùy Phiền Nã), nghĩa là nghĩ lại những sự việc trong quá khứ, hoặc do hiện tại có việc gì chẳng vừa ý khiến cho tinh thần tự phiền não”.

Sách Duy Thức Thuật Ký lại giảng: “Phiền là quấy rối. Nã là làm loạn”. Xa rời cái khổ phiền não nên bảo là “vô chư nã hoạn” (không có các nã hoạn). Thậm chí được Bất Thoái Chuyển, hướng thẳng đến chỗ thành Phật nên bảo là “trụ Bất Thoái Chuyển, chí thành Phật đạo” (trụ Bất Thoái Chuyển, cho đến thành Phật đạo).

Kế tiếp, kinh dạy trông thấy cây Bồ Đề sẽ đắc Nhẫn. Đoạn trên nói đủ cả sáu căn, đoạn này chỉ nói mình Nhẫn Căn; đó là chỉ lấy Nhẫn Căn làm đại biểu cho các căn khác. Việc trông thấy cây liên đắc Nhẫn chính là kết quả của nguyện thứ bốn mươi “từ nơi cây thấy các cõi Phật” và nguyện bốn mươi bảy “nghe danh đắc Nhẫn”.

Sách Hội Sớ bảo: “Ngừa xem cây Đạo Tràng chính là biểu tượng của quả Chánh Giác viên mãn, còn danh hiệu chính là thật thể của bốn nguyện thành tựu. Vì thế, lời nguyện ‘nghe danh đắc Nhẫn’ là nhân tạo thành cái quả thành tựu trông thấy cây đắc Nhẫn (ý nói: Do đại nguyện của Phật Di Đà đã thành tựu nên dùng việc thấy cây đắc Nhẫn để chứng minh lời nguyện ấy). Nghe danh chính là nghe âm thanh mẫu nhiệm phát ra từ cây Đạo Tràng (như kinh Tiểu Bản chép: “Văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chi tâm” - nghe tiếng ấy thì tự nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng). Trông thấy cây ấy là trông thấy quả đức của A Di Đà Phật. Lấy đó mà suy thì việc nghe danh đắc Nhẫn đã rõ ràng rành rành vậy”.

Nói tóm lại, danh hiệu và cây Bồ Đề đều là từ diệu đức của quả địa Đại Giác biến hiện, đều là viên viên quả hải, đầy đủ viên dung muôn đức, đều là thanh tịnh cú, chân thật trí huệ vô vi Pháp Thân, đều là

⁷⁵ Tâm sở: Tác dụng của tâm, thường gồm 46 thứ như: thọ, tưởng, tư, xúc...

“*Chân Thật Tế*” mà cũng chính là tự tánh của đương nhân nên mới có những lợi ích chân thật chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

Nhưng danh hiệu Ngài vang dội khắp mười phương, độ trọn ba căn; còn muốn thấy được cây ấy chỉ còn cách sanh về Tịnh Độ, tận mắt thấy cây báu mới đạt được lợi ích ấy. So sánh hai điều này thì cái lợi nghe danh đức Nhân lại càng rõ rệt. Bởi thế sách Hội Sớ mới viết: “*Lấy đó mà suy thì việc nghe danh đức Nhân càng rõ ràng rành rành vậy*”.

“*Đắc Nhân*”: Tin được lý khó tin chẳng làm lạc thì gọi là “*Nhân*”. Ngài Tịnh Ảnh nói: “*Huệ tâm an trụ nơi pháp thì gọi là Nhân*”. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển mười một bảo: “*An trụ trong Thật Tướng của các pháp là Nhân*”. Sách Hội Sớ giảng: “*Trí hạnh tăng tấn là Pháp Nhân*”.

Tịnh Ảnh Sớ giảng câu “*hoạch tam chủng Nhân*” (đắc ba thứ Nhân) như sau: “*Vừa nghe tiếng liền giải ngộ, biết tiếng ấy như tiếng vang thì gọi là Âm Hưởng Nhân; đó là từ bậc Tam Địa trở xuống. Xả Thuyên hương Thật thì gọi là Nhu Thuận Nhân, đó là pháp Nhân của bậc Tứ, Ngũ, Lục Địa. Chứng Thật là tướng thì gọi là Vô Sanh Nhân; đó là Nhân của bậc Thất Địa trở lên*”.

Ý nói: Nghe pháp ngộ đạo, biết hết thấy pháp giống như tiếng vọng, như mộng, huyễn, bọt nước, hình bóng thì gọi là Âm Hưởng Nhân. Bậc Bồ Tát trong Biệt Giáo từ Tam Địa trở xuống đắc Nhân này. Xả ly ngôn thuyên⁷⁶, hương đến Thật Tướng thì gọi là Nhu Thuận Nhân; các vị Bồ Tát Tứ Địa, Ngũ Địa, Lục Địa chứng đắc Nhân này. Nếu chứng nhập Thật Tướng, lìa hết thấy tướng thì gọi là đắc Vô Sanh Pháp Nhân; đây chính là pháp Nhân của bậc Bồ Tát từ Thất Địa trở lên.

Sách Di Đà Sớ Sao lại giảng: “*Nói giản lược, có hai thứ Vô Sanh Nhân: Một là xét về pháp, hai là xét về hạnh*”.

- *Xét theo pháp thì về Lý, các pháp chẳng phát khởi, tác dụng, đều gọi là Vô Sanh. Huệ tâm an trụ vào đấy nên gọi là Nhân*.

- *Xét về hạnh thì báo hạnh thuần thực, trí hiểu rõ lý vô tướng, vô công dụng, rộng dường hư không, sâu như biển thẳm, vọng hoặc trong tâm thức chẳng còn, lặng lẽ chẳng khởi thì mới gọi là Vô Sanh*.

Loại thứ nhất địa nào cũng có, loại thứ hai chỉ bậc Bát Địa mới có thể chứng nổi”.

⁷⁶ Ngôn thuyên: Dùng ngôn ngữ văn tự để diễn đạt nghĩa lý

Như vậy, Vô Sanh Pháp Nhẫn được giảng trong Tịnh Ảnh Sớ chính là loại “Vô Sanh Pháp Nhẫn xét theo hạnh” trong Di Đà Sớ Sao. Ngài Tịnh Ảnh bảo từ bậc Thất Địa trở lên, đại sư Liên Trì bảo là Bát Địa, hai thuyết chẳng mâu thuẫn nhau. Hơn nữa, kinh Nhân Vương cũng bảo Vô Sanh Pháp Nhẫn thuộc về Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa (các thuyết của những vị khác chẳng trích dẫn ở đây)

Trong ba pháp Nhẫn được nói trong kinh này, đầu tiên là Âm Hưởng Nhẫn, kế đó là Nhu Thuận Nhẫn. Như vậy, ba thứ Nhẫn này tuy khác với kinh Hiền Kiếp nhưng lại giống những thứ Nhẫn được nói trong phẩm Thập Nhẫn của kinh Hoa Nghiêm và kinh Như Lai Hưng Hiển.

Phẩm Thập Nhẫn trong kinh Hoa Nghiêm, bản Cự dịch (bản dịch đời Tấn), ghi: “*Một là Âm Thanh Nhẫn, hai là Thuận Nhẫn, ba là Vô Sanh Pháp Nhẫn, bốn là Như Huyền Nhẫn, năm là Như Diệm Nhẫn, sáu là Như Mộng Nhẫn, bảy là Như Hưởng Nhẫn, tám là Như Ảnh Nhẫn, chín là Như Hóa Nhẫn, mười là Như Không Nhẫn*”. Ba Nhẫn đầu tiên giống như ba Nhẫn được nói trong kinh này.

Phẩm Thập Nhẫn còn nói: “*Nhược văn chân thật pháp, bất kinh, bất bố, bất úy, tín giải thọ trì, ái nhạo thâm nhập, tu tập, an trụ, thị vi đệ nhất Tùy Thuận Âm Thanh Nhẫn*” (Nếu nghe pháp chân thật mà chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng hãi, tin hiểu, thọ trì, yêu thích thâm nhập, tu tập, an trụ thì đây là Nhẫn thứ nhất: Tùy Thuận Âm Thanh Nhẫn); đó chính là Âm Hưởng Nhẫn.

Kinh lại dạy: “*Thử Bồ Tát tùy thuận tịch tĩnh, quán nhất thiết pháp bình đẳng, chánh niệm, bất vi chư pháp, tùy thuận thâm nhập nhất thiết chư pháp thanh tịnh, trực tâm phân biệt chư pháp, tu bình đẳng quán, thâm nhập cụ túc, thị vi đệ nhị Thuận Nhẫn*” (Bồ Tát ấy tùy thuận tịch tĩnh, quán hết thấy pháp bình đẳng chánh niệm, chẳng trái nghịch chư pháp, tùy thuận thâm nhập hết thấy các pháp thanh tịnh, trực tâm phân biệt các pháp, tu bình đẳng quán, thâm nhập trọn vẹn thì đây là Thuận Nhẫn thứ hai); đây chính là Nhu Thuận Nhẫn.

Kinh lại dạy: “*Thử Bồ Tát bất kiến hữu pháp sanh, bất kiến hữu pháp diệt, hà dĩ cố? Nhược bất sanh, tắc bất diệt. Nhược bất diệt, tắc vô tận. Nhược vô tận, tắc ly cấu. Nhược ly cấu, tắc vô hoại. Nhược vô hoại, tắc bất động. Nhược bất động, tắc tịch diệt... Thị vi đệ tam Vô Sanh Pháp Nhẫn*” (Bồ Tát ấy chẳng thấy có pháp sanh, chẳng thấy có pháp diệt, vì sao thế? Nếu chẳng sanh thì chẳng diệt. Nếu chẳng diệt thì vô

tận. Nếu vô tận thì ly cầu. Nếu ly cầu thì vô hoại. Nếu vô hoại thì bất động. Nếu bất động thì tịch diệt... Đây là Vô Sanh Pháp Nhẫn thứ ba).

Nói đơn giản, an trụ trong lý thể Chân Như Thật Tướng bất sanh bất diệt thì gọi là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Việc thấy cây Bồ Đề sẽ đạt được công đức như vậy thật đã hiển thị sâu xa nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn của Phật Di Đà .

Chánh kinh:

佛告阿難：如是佛剎，華果樹木，與諸眾生而作佛事。此皆無量壽佛，威神力故，本願力故，滿足願故，明了、堅固、究竟願故。

Phật cáo A Nan: - Như thị Phật sát, hoa quả thụ mộc, dữ chúng sanh nhi tác Phật sự. Thử giai Vô Lượng Thọ Phật, oai thần lực cố, bản nguyện lực cố, mãn túc nguyện cố, minh liễu, kiên cố, cứu cánh nguyện cố.

Phật bảo A Nan:

- Cõi Phật như thế, hoa, quả, cây cối và các chúng sanh đều làm Phật sự. Đây đều là do sức oai thần, do sức bản nguyện, do mãn túc nguyện, do nguyện rõ ràng kiên cố, rốt ráo của Vô Lượng Thọ Phật vậy.

Giải:

Đức Phật bảo A Nan: Thế giới Cực Lạc hy hữu chẳng thể nghĩ bàn đến như thế ấy. Hoa, quả, cây cối đều làm Phật sự, tăng trưởng thiện căn thù thắng của hữu tình khiến họ đắc Nhẫn, chứng nhập Vô Sanh. Đây là do sức oai thần của quả đức của đức Phật ấy và sức bản nguyện, sức trọn vẹn đầy đủ, sức rõ ràng, kiên cố, rốt ráo của Ngài vậy.

Ngài Tịnh Ảnh bảo: “Câu ‘giai Vô Lượng Thọ Phật oai thần lực cố’ có nghĩa là do oai lực hiện tại của đức Phật ấy nên đạt được ba thứ Nhẫn. Chữ ‘bản nguyện lực’ hàm ý do sức bản nguyện trong quá khứ của Ngài nên [chúng sanh trong cõi ấy] đắc ba thứ Nhẫn. Bản nguyện là tổng, còn bốn thứ kia (tức nguyện rõ ràng, trọn vẹn, kiên cố, cứu cánh) là biệt. ‘Mãn túc nguyện’ là nguyện tâm trọn vẹn, đầy đủ. ‘Nguyện rõ ràng’ là tâm mong cầu rõ ràng, rành rẽ. ‘Nguyện kiên cố’ là các duyên chẳng hoại được [nguyện ấy]. ‘Nguyện rốt ráo’ là rốt cục chẳng

thoái thất. Do các nguyện ấy nên người sanh về cõi kia sẽ đắc ba thứ Nhẫn”.

Ngài Nghĩa Tịch, Cảnh Hưng đều cho rằng “nguyện mãn túc” nghĩa là “bốn mươi tám nguyện chẳng khuyết giảm”. Ngài Nghĩa Tịch, Vọng Tây cùng giảng “nguyện rõ ràng” là “minh và huệ tương ứng với nhau”; ngài Cảnh Hưng lại giảng là “mong cầu chẳng hư dối” (ý này giống với ý ngài Tịnh Ảnh). Về “nguyện kiên cố”, ngài Nghĩa Tịch bảo: “[Là] do tinh tấn chẳng thoái chuyển tạo thành”. Ngài Nghĩa Tịch, ngài Vọng Tây cùng giảng “nguyện rốt ráo” là “đến tột cùng bờ mé của pháp giới hữu tình” (độ sạch hết thảy hữu tình trong pháp giới). Các thuyết trên đây bổ sung lẫn nhau.

Về “bốn nguyện lực” (sức bốn nguyện), Vãng Sanh Luận bảo: “Quán sức bốn nguyện của Phật, gạt gỡ chẳng luống uổng, khiến cho được trọn đủ biến báu công đức lớn”. Sách Luận Chú giảng như sau: “Vốn là từ bốn mươi tám nguyện của Pháp Tạng Bồ Tát tạo thành cái gọi là thần lực tự tại của A Di Đà Như Lai. Nguyện biến thành lực, lực nhằm thành tựu nguyện. Nguyện chẳng phí uổng, lực chẳng dối bày. Lực và nguyện hỗ trợ nhau, rốt ráo chẳng sai biệt”. Dựa trên bốn nguyện của Pháp Tạng Bồ Tát nên ngày nay mới có thần lực tự tại của Phật Di Đà. Do trong lúc tu nhân, Phật Di Đà phát nguyện “nghe danh đắc Nhẫn” nên do nguyện lực nay thành tựu công đức thù thắng: [Chúng sanh] trông thấy cây Bồ Đề liền đắc Nhẫn nơi cõi Cực Lạc. Do nguyện phát sanh lực, nguyện được thành là do lực nên kinh mới chép: “Giai Vô Lượng Thọ Phật oai thần lực cố, bốn nguyện lực cố” (Đều là do sức oai thần, sức bốn nguyện của Vô Lượng Thọ Phật) nên trông thấy cây Bồ Đề đều đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, chứng ngay vào địa vị Bát Địa Bồ Tát.